**Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hương**

**Gmail: nguyenthuhuong18111995@gmail.com**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II. MÔN NGỮ VĂN 6**

**(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

**Thời gian: 90 phút**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận/Văn bản thông tin | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**\*Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận/Văn bản thông tin | - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng  -Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn  - Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.  -Nhận biết được trạng ngữ, biện pháp tu từ, từ mượn và tác dụng của chúng.  -Hiểu được tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản.  -Hiểu được nghĩa thành ngữ thông dụng; nghĩa của từ trong văn bản.  - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin  - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.  - Trình bày được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản.  - Giải thích được vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu…).  - Thể hiện được ý kiến của bản thân về một vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra được những bài học từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. | | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60** | | **40** | |

**\*Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** |
| (Đề gồm 02 trang) | **MÔN: NGỮ VĂN 6** |
|  |  |
|  | **Thời gian làm bài: 90 phút** |
|  | *(Không kể thời gian giao đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi**:

**Nguyên nhân khiến Trái Đất nóng lên**

***(1)*** *Hiện tại, Trái Đất nóng lên chủ yếu là do con người tạo ra thông qua các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá…) cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.*

*Một số hoạt động chính là nguyên nhân khiến cho Trái Đất nóng lên:*

***(2) Hiệu ứng nhà kính***

*Các hiện tượng hiệu ứng nhà kính tăng lên rõ rệt trong thời gian gần đây đã làm thủng tầng ô-dôn... Những nơi bị thủng hoặc mất đi tầng ô-dôn thì nơi đó đất đai sẽ bị sa mạc hóa không còn tác dụng cân bằng hệ sinh thái như hiện tại thành ra ban ngày nóng, ban đêm lạnh.*

***(3) Quá trình công nghiệp hóa***

*Do sự phát triển nhanh chóng như vũ bão của khoa học công nghệ cùng sự phát triển của nền kinh tế nên nhiều nhà máy xả thải trực tiếp và phun khí thải vào môi trường. Số lượng phương tiện từ xe cộ (xe máy, xe đạp, ô tô…) cũng đã thải ra một lượng lớn khí các-bô-níc. Khi lượng khí các-bô-níc có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.*

***(4) Rừng bị tàn phá***



*Nếu như khí các-bô-níc thải ra thì theo quy luật tự nhiên sẽ được cây xanh quang hợp để cung cấp lượng ô-xi cần thiết cho con người. Tuy nhiên, số lượng cây xanh đã bị tàn phá hết nên đã không thể phân giải hết lượng khí các-bô-níc trong môi trường khiến cho Trái Đất càng ngày càng nóng lên rõ rệt. Diện tích rừng bị tàn phá ngày càng rộng nên tia nắng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất không có tầng lá xanh của cây chặn lại nên khi chiếu xuống mặt đất sẽ hình thành nên những vùng đất khô cằn, nóng như hoang mạc. Mùa mưa không có rừng để giữ nước lại nên sẽ gây lũ lụt còn mùa khô thì xảy ra hạn hán.*

(Theo LV, quangnam.gov.vn)

**Chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào bài làm của em**

**Câu 1**. Văn bản *Nguyên nhân khiến Trái Đất nóng lên* được triển khai theo cách nào?

A. Theo quan hệ nhân quả B. Theo trật tự không gian

C. Theo quan hệ so sánh. D. Theo quan hệ thời gian

**Câu 2.** Từ được in đậm trong câu:*Khi lượng khí* ***các-bô-níc*** *có nhiều trong bầu khí quyển do ánh nắng Mặt Trời chiếu vào làm tăng nhiệt độ của bề mặt Trái Đất.* có nguồn gốc từ nước nào?

A. Tiếng Hán. B. Tiếng Pháp. C. Tiếng Hàn. D. Tiếng Anh.

**Câu 3**. Theo văn bản, các nguyên nhân chính khiến Trái Đất nóng lên là gì?

A. Hiệu ứng nhà kính; thủng tầng ô-dôn; quá trình công nghiệp hóa.

B. Quá trình công nghiệp hóa; tăng khí mê tan; rừng bị tàn phá .

C. Hiệu ứng nhà kính; quá trình công nghiệp hóa; rừng bị tàn phá.

D. Số lượng phương tiện xe cộ tăng nhanh; hiệu ứng nhà kính; rừng bị tàn phá.

**Câu 4.** Nội dung chính của đoạn văn (3) trong văn bản trên là gì?

A. Quá trình công nghiệp hóa là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

B. Hiệu ứng nhà kính là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

C. Sự phát triển của khoa học công nghệ là nguyên nhân làm Trái Đất nóng lên.

D. Lượng khí các-bô-níc có nhiều trong khí quyển làm tăng nhiệt độ của Trái Đất.

**Câu 5**. Các đề mục được in đậm trong văn bản có tác dụng như thế nào?

A. Nêu lên các thông tin chủ yếu của văn bản

B. Nêu lên chủ đề của văn bản

C. Nêu lên thông điệp của văn bản

D. Nêu lên mục đích của văn bản.

**Câu 6**. Dòng nào sau đây nêu lên chính xác nghĩa của từ *hoang mạc* trong câu văn: *Diện tích rừng bị tàn phá ngày càng rộng nên tia nắng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất không có tầng lá xanh của cây chặn lại nên khi chiếu xuống mặt đất sẽ hình thành nên những vùng đất khô cằn, nóng như hoang mạc.*?

A. Vùng đất hoang rộng lớn, hầu như không có cây cối và người ở.

B. Vùng đất hoang rộng lớn, khí hậu khô cằn, hầu như không có cây cối và người ở.

C. Vùng đất có khí hậu khô cằn, không có cây cối và người ở.

D. Vùng đất rộng lớn, khí hậu khô cằn, không có cây cối và người ở.

**Câu 7**. Hình ảnh minh họa làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?

A. Hiện tượng hạn hán vào mùa khô B. Hiệu ứng nhà kính

C. Rừng bị tàn phá D. Quá trình công nghiệp hóa.

**Câu 8.** Chức năng của trạng ngữ (được in đậm) trong câu văn sau là gì?

***Hiện tại***, *Trái Đất nóng lên chủ yếu là do con người tạo ra thông qua các hoạt động đốt cháy nhiên liệu hóa thạch (dầu, khí đốt, than đá…) cùng các loại khí thải khác nên lượng nhiệt bị giữ lại ở bầu khí quyển.*

A. Nêu lên thông tin về địa điểm diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

B. Nêu lên thông tin về thời gian diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

C. Nêu lên thông tin về nguyên nhân diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

D. Nêu lên thông tin về cách thức diễn ra sự việc được nói đến trong câu.

# Trả lời câu hỏi:

**Câu 9.** Con người có thể làm gì để hạn chế tình trạng Trái Đất nóng lên?

**Câu 10.** Qua văn bản trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về hiện tượng ăn quà vặt của học sinh hiện nay.

-Hết đề-

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | **A** | **0,5** |
| **2** | **D** | **0,5** |
| **3** | **C** | **0,5** |
| **4** | **A** | **0,5** |
| **5** | **A** | **0,5** |
| **6** | **D** | **0,5** |
| **7** | **C** | **0,5** |
| **8** | **B** | **0,5** |
|  | 9 | - HS nêu được cụ thể một số việc làm cụ thể góp phần hạn chế tình trạng Trái Đất nóng lên.  Những việc làm con người có thể làm để hạn chế tình trạng Trái Đất nóng lên:  - Gợi ý: Tích cực trồng cây, gây rừng; sử dụng tích cực các phương tiện công cộng hoặc xe đạp, đi bộ… để giảm lượng khói bụi từ xe cộ; các nhà máy, xí nghiệp cần xử lí chất thải trước khi xả ra môi trường; tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng…  *(HS đưa ra ít nhất 3 giải pháp hợp lí thì được điểm tối đa)* | **1,0** |
|  | **10** | - HS nêu được bài học rút ra từ văn bản.  - Gợi ý:  + Nhận thức các hoạt động của con người có ảnh hưởng nghiêm trọng tới Trái Đất và chính môi trường sống của chúng ta.  + Biết được bên cạnh việc phát triển kinh tế cần phải có những giải pháp để chung tay bảo vệ môi trường.  *+* Cần chung tay bảo vệ môi trường...  + Phê phán những hành vi gây ô nhiễm môi trường,...  *(HS đưa ra ít nhất 3 bài học hợp lí thì được điểm tối đa)* | **1,0** |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
| **a. Đảm bảo cấu trúc** kiểu bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.  b. Xác định đúng yêu cầu : Trình bày được ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề) đặt ra.  - Diễn đạt rõ ràng; câu và chữ đúng văn phạm | **0,25**  **0,25** |
| **c. Nội dung**  **1.** Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận mà em quan tâm  **2. Làm sáng tỏ vấn đề**  **\* Giải thích**  **-** Quà vặt là các loại thức ăn phục vụ cho việc ăn giữa các bữa ăn và thường dưới hình thức thực phẩm đóng gói và chế biến sẵn cũng như mặt hàng làm từ nguyên liệu tươi được đóng gói ăn liền như bim bim, nước ngọt, bánh, kẹo, trái cây cùng một số đồ ăn nhanh khác...  **\* Thực trạng, biểu hiện**  - Hiện tượng ăn quà vặt đang trở thành một thói quen phổ biến của các bạn học sinh.  - Xung quanh khu vực trường học, các mặt hàng quà vặt được bày bán tràn lan, đa dạng và phong phú: xôi, chè, bánh, kẹo, nước uống, các loại hoa quả dầm...  - Mỗi sáng ở cổng trường không khó để bắt gặp các bạn học sinh mua đồ ăn sáng, mua quà vặt để mang đến trường.  - Không chỉ ăn quà ngoài giờ học mà nhiều bạn học sinh còn ăn ngay cả trong giờ học, trong tiết học một cách vô tư.  **\* Nguyên nhân**  - Ý thức của các bạn học sinh còn kém, chưa biết ăn đúng nơi đúng chỗ, vô tình khiến cho việc ăn quà vặt trở nên xấu đi và tiêu cực.  - Các em học sinh chưa ý thức được mức độ an toàn của các thứ đồ ăn vặt nên những món ăn vặt trở sở thích của bản thân  - Do bố mẹ bận bịu không đủ thời gian chuẩn bị đồ ăn cho con cái,...  - Học sinh ở bất kì độ tuổi nào hay bị thu hút bởi những thứ mới lạ, trong đó có cả đồ ăn, nhiều món ăn vặt có vị ngon, hấp dẫn có khi thu hút học sinh hơn cả những đồ ăn do bố mẹ chuẩn bị.  - Dễ mua, giá thành không quá cao tạo điều kiện cho học sinh mua và sử dụng.  **\* Hậu quả**  - Mất mĩ quan trường học, hình ảnh các bạn học sinh trở nên xấu xí.  - Gây ô nhiễm môi trường.  - Ảnh hưởng đến sức khỏe: nhiều ca ngộ độc thực phẩm...  - Ngoài ra để có tiền ăn quà vặt nhiều em học sinh khi mà gia đình không đáp ứng được đã có những hành động sai trái, nảy sinh trộm cắp hay rộng hơn hiện tượng ăn quà vặt còn là nguồn gốc của bạo lực học đường... (ví dụ như trấn lột tiền của bạn để ăn quà vặt)  **\* Biện pháp**  - Tự nhận thức đúng đắn về việc ăn quà vặt đúng nơi đúng chỗ, giữ gìn vệ sinh chung,...  - Thầy cô, nhà trường nên phối hợp và đưa ra nội quy cũng như chế tài xử phạt một cách thích đáng, có tính răn đe.  - Phụ huynh cần nhắc nhở con em và không dung túng, dễ dàng chiều theo sở thích ăn quà của trẻ.  **\* Bàn luận, mở rộng**  *-* Quà vặtkhông hoàn toàn xấu bởi vì có những món quà vặt đáp ứng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với người dùng.  - Ăn quà vặt phổ biến trong học sinh và không hoàn toàn là tiêu cực nếu như học sinh biết ăn quà vặt một cách hợp lí  **3**  **-** Khẳng định lại vấn đề (nhận định, suy nghĩ của em về hiện tượng quan tâm).  - Rút kinh nghiệm, đưa ra lời nhắn nhủ,… | **0,5**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,5**  **0,5**  **0,25**  **0,25**  **0,25** |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | **0,25** |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời thuyết minh sinh động, sáng tạo. | **0,25** |

*\* Lưu ý: Giáo viên chấm bài linh hoạt trên cở sở bài làm và sự sáng tạo của học sinh*

**NGƯỜI RA ĐỀ TTCM BAN GIÁM HIỆU**